|  |
| --- |
| UBND HUYỆN BÌNH GIANG  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN**  Nâng cao hiệu quả dạy và học biện pháp  tu từ nhân hóa cho học sinh lớp 3  Môn: Tiếng Việt  **Năm học 2020 - 2021** |

**MỤC LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trang** |
| 1 | Thông tin chung về sáng kiến |  |
| 2 | Tóm tắt sáng kiến |  |
| 3 | Mô tả sáng kiến | 1 |
| 4 | Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến | 1 |
| 5 | Cơ sở lí luận của vấn đề | 2 |
| 6 | Thực trạng của vấn đề | 3 |
| 7 | Các giải pháp thực hiện | 5 |
| 8 | Nắm chắc kiến thức và cách dạy biện pháp tu từ nhân hoá | 6 |
| 9 | Tạo cho học sinh tâm thế tự tin vào bài học | 6 |
| 10 | Tạo ấn tượng ngay từ phần giới thiệu bài | 7 |
| 11 | Dạy nhân hoá trong thế đối lập | 7 |
| 12 | Dạy phân hoá đối tượng | 9 |
| 13 | Dạy "Nhân hoá" qua trò chơi học tập | 10 |
| 14 | Dạy cảm thụ cái hay của phép nhân hoá thông qua việc đọc diễn cảm | 13 |
| 15 | Dạy nhân hoá bằng cách gợi mở trí tò mò, óc sáng tạo của học sinh | 14 |
| 16 | Dạy nhân hoá mang tính triệt để | 14 |
| 17 | Dạy nhân hoá có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin | 15 |
| 18 | Kết quả đạt được và ý nghĩa của sáng kiến | 16 |
| 19 | Điều kiện đề sáng kiến được nhân rộng | 18 |
| 20 | Kết luận và khuyến nghị | 20 |
| 21 | Phụ lục | 22 |
| 22 | Tài liệu tham khảo | 25 |

**THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN**

1. Tên sáng kiến: “***Nâng cao hiệu quả dạy và học biện pháp tu từ nhân hóa cho học sinh lớp 3”****.*

2. Bộ môn áp dụng sáng kiến: Môn Tiếng Việt

3. Tác giả:

- Họ và tên: Vũ Thị Làn Nữ

- Ngày, tháng, năm sinh: 22 tháng 01 năm 1989

- Trình độ chuyên môn: Cao đẳng Sư Phạm

- Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Vĩnh Hồng

- Điện thoại: 0966429336

4. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Trường Tiểu học Vĩnh Hồng - huyện Bình Giang - Điện thoại: 02203777807.

5. Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu: Trường Tiểu học Vĩnh Hồng - huyện Bình Giang.

6. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:

- Giáo viên và học sinh lớp 3

- Các tài liệu phục vụ cho việc dạy và học: sách giáo khoa, sách giáo viên, sách tham khảo.

- Phương tiện dạy học: Ti vi, máy tính, bảng phụ, tranh ảnh.

7. Thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu: Năm học 2020 - 2021

|  |  |
| --- | --- |
| **TÁC GIẢ**  **Vũ Thị Làn** | **XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ**  **ÁP DỤNG SÁNG KIẾN**  **HIỆU TRƯỞNG**  **Vũ Thanh Mai** |

**TÓM TẮT SÁNG KIẾN**

Trong tất cả các môn học ở Tiểu học thì môn Tiếng Việt có vị trí đặc biệt quan trọng. Riêng với lớp 3, môn Tiếng Việt có vị trí đặc biệt riêng. Trong đó Luyện từ và câu là một phân môn quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục. Nó tổng hợp tất cả các kiến thức, kĩ năng mà học sinh học được trong môn Tiếng Việt và đòi hỏi cả những kiến thức, hiểu biết từ thực tiễn cuộc sống của các em. Phân môn Luyện từ và câu ở Tiểu học nói chung và ở lớp 3 nói riêng, rất chú trọng đến việc dạy các biện pháp tu từ nhân hóa. Tuy nhiên, biện pháp tu từ nhân hóa là một trong những nội dung khó học nhất đối với học sinh lớp 3. Xuất phát từ thực tiễn dạy học biện pháp tu từ nhân hoá, phần lớn số HS chỉ nhận biết được sự vật được nhân hoá cách nhân hoá, một số đã biết vận dụng để đặt câu, viết văn nhưng chưa có hiệu quả. Mặt khác, biện pháp nhân hoá là biện pháp tu từ góp phần không nhỏ trong việc hình thành cho học sinh thái độ, tình cảm gần gũi, yêu thích các sự vật xung quanh: nhờ nhân hoá, các con vật, đồ vật trở nên sống động, có hồn, có tính cách như con người, trở thành người bạn thân thiết của các em. Nhân hoá góp phần nâng cánh ước mơ, phát triển năng lực cảm thụ và khả năng tư duy cho các em. Qua đó góp phần vào việc hình thành nhân cách cho các em.

Ngay từ đầu học kì 2 năm học trước, tôi đã nghiên cứu và khảo sát chất lượng viết đoạn văn của học sinh lớp 3. Kết quả thu được là rất thấp. Với mong muốn nâng cao hiệu quả dạy và học biện pháp tu từ nhân hóa cho học sinh, tôi đã nghiên cứu và đưa ra được các biện pháp thực hiện:

- Nắm chắc kiến thức và cách dạy biện pháp tu từ nhân hoá

- Tạo cho học sinh tâm thế tự tin vào bài học

- Tạo ấn tượng ngay từ phần giới thiệu bài

- Dạy nhân hoá trong thế đối lập

- Dạy phân hoá đối tượng

- Dạy "Nhân hoá" qua trò chơi học tập

- Dạy cảm thụ cái hay của phép nhân hoá thông qua việc đọc diễn cảm

- Dạy nhân hoá bằng cách gợi mở trí tò mò, óc sáng tạo của học sinh

- Dạy nhân hoá mang tính triệt để

- Dạy nhân hoá có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin

Sau một thời gian nghiên cứu và thực hiện các biện pháp trên và vận dụng vào giảng dạy, bằng sự nỗ lực của thầy cô và sự hứng thú của trò, chất lượng học tập của lớp tôi ngày càng được nâng lên rõ rệt. Từ chỗ học sinh hiểu lơ mơ, chưa biết dùng từ đặt câu có hình ảnh nhân hóa đến nay hầu hết học sinh đều vận dụng vào đặt câu, viết văn giàu hình ảnh nhân hóa, bài văn của các em sinh động hấp dẫn với người đọc hơn. Đồng thời phát huy được tính tích cực chủ động sáng tạo, hứng thú với môn học.

Với kết quả đạt được như vậy, năm học này tôi đã báo cáo với Ban giám hiệu cùng Tổ chuyên môn về sáng kiến của mình và nhận được sự ủng hộ rất cao. Ban giám hiệu và Tổ chuyên môn đã tiến hành khảo sát nghiệm thu kết quả. Sáng kiến cũng góp phần thúc đẩy phong trào đổi mới phương pháp dạy học trong toàn trường.

Để sáng kiến được nhân rộng, các cấp lãnh đạo cần quan tâm, tạo điều kiện trang bị cho giáo viên tài liệu nghiên cứu. Đòi hỏi mỗi giáo viên phải nỗ lực tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, tích cực đổi mới phương pháp và ứng dụng cộng nghệ thông tin trong dạy học. Ban giám hiệu cần thường xuyên kiểm tra việc giảng dạy của giáo viên, theo dõi và nắm bắt kịp thời chất lượng học tập của học sinh các lớp, tích cực tổ chức các chuyên đề về dạy Luyện từ và câu, tuyên dương, khen thưởng kịp thời những giáo viên có thành tích trong dạy học. Đối với quản lí cấp trên cần tăng cường tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề về dạy phân môn này, phổ biến rộng rãi những sáng kiến có chất lượng cao để giáo viên học tập và áp dụng vào thực tiễn giảng dạy.

**MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

1. **Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến**

Tiếng Việt là tiếng nói phổ thông, tiếng nói dùng trong giao tiếp chính thức của cộng đồng các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam. Bởi thế, Tiếng Việt có vai trò cực kì quan trọng trong đời sống cộng đồng và đời sống mỗi con người. Chính vì vậy mà ngay từ những năm tháng đầu đời các em bé đã làm quen và học Tiếng Việt như một nhu cầu tất yếu của cuộc sồng. Khi lớn lên được đi học thì việc học Tiếng Việt đã trở thành môn học không thể thiếu trong chương trình. Từ đây việc học Tiếng Việt đã có mục tiêu, mục đích, nội dung chương trình, có người dạy với phương pháp và hình thức tổ chức phù hợp.

Để đạt được những mục tiêu nói trên chúng ta đã có một chương trình dạy học phù hợp với đủ các phân môn, trong đó có một phân môn rất quan trọng giúp học sinh biết cách dùng từ, đặt câu, biết cách sử dụng các biện pháp tu từ vào đặt câu, viết đoạn đó là phân môn Luyện từ và câu. Cũng chính phân môn này giúp học sinh biết được cái hay, cái đẹp, cái tinh tế của Tiếng Việt để từ đó bồi dưỡng tình yêu Tiếng Việt và hình thành thói quen giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của Tiếng Việt.

Chính vì vậy, trong chương trình môn Tiếng Việt ở Tiểu học đã đưa vào hai biện pháp tu từ đó là so sánh và nhân hoá. Hai biện pháp này được dạy ở lớp 3, trong phân môn Luyện từ và câu nhằm giúp học sinh bước đầu làm quen và có những hiểu biết cơ bản cũng như biết cảm nhận cái hay của hai biện pháp, từ đó biết vận dụng vào viết câu, đoạn có sử dụng hai biện pháp này.

Dạy như thế nào để giúp các em nhận biết, hiểu, vận dụng và cao hơn nữa cảm nhận được vẻ đẹp của biện pháp tu từ nhân hoá là cả một vấn đề đặt ra cho những giáo viên dạy lớp 3 và đó cũng là nỗi trăn trở của riêng tôi. Hơn nữa, ở cấp Tiểu học biện pháp tu từ này chỉ được dạy ở lớp 3 nhưng nó được sử dụng trong suốt quá trình học văn của các em sau này.

Chương trình Tiếng Việt 3, biện pháp nhân hóa được dạy trong 6 tiết cùng với dạy kiến thức về câu, các bộ phận của câu. Ngoài ra học sinh còn được tiếp xúc với biện pháp này qua một số bài tập đọc, các tiết Chính tả nếu giáo viên chú ý đến việc tích hợp liên môn. Chính vì vậy, việc hiểu và nắm các kiến thức cơ bản nhất về nhân hóa của học sinh còn lơ mơ, chưa biết vận dụng kiến thức về nhân hóa trong dùng từ, đặt câu và viết văn các em chỉ mới dừng lại việc làm các bài tập về nhân hóa trong các tiết học có trong sách giáo khoa.

Vậy làm thế nào để khắc phục được những hạn chế nêu trên và nâng cao chất lượng dạy và học biện pháp tu từ nhân hóa ? Đây cũng chính là mục đích mà tôi trình bày trong sáng kiến: *“Nâng cao hiệu quả dạy và học biện pháp tu từ nhân hoá cho học sinh lớp 3”*

1. **Cơ sở lý luận của vấn đề**

Mục tiêu giáo dục tiểu học chỉ có thể đạt được khi mỗi nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy của tất cả các môn học và các hoạt động giáo dục. Dạy Luyện từ và câu lớp 3 góp phần thực hiện nhiệm vụ đó. Để dạy tốt phân môn này, trước hết mỗi giáo viên cần nghiên cứu kĩ mục tiêu và nội dung chương trình sách giáo khoa.

+ Mục tiêu dạy biện pháp tu từ "Nhân hóa" cho học sinh lớp 3:

- Nhận biết, nắm và hiểu được các hiện tượng nhân hoá, các cách nhân hoá.

- Nêu được cảm nhận về cái hay của những hình ảnh nhân hoá.

- Vận dụng biện pháp tu từ nhân hoá để kể chuyện, viết đoạn văn...

+ Nội dung và cách dạy chung biện pháp tu từ "Nhân hoá" ở lớp 3:

Biện pháp tu từ nhân hoá được bắt đầu dạy từ Tuần 19 (đầu học kì II) đến Tuần 35 (hết học kì II) với 12 bài tập ở 8 tuần với cách gọi là phép nhân hoá.

Giống như các bài tập về biện pháp tu từ so sánh, các bài tập về biện pháp tu từ nhân hoá cũng gồm ba loại nhỏ:

- Bài tập nhận biết biện pháp tu từ nhân hoá.

- Bài tập cảm nhận.

- Bài tập vận dụng biện pháp tu từ nhân hoá.

Mỗi tuần học sinh được học một tiết Luyện từ và câu. Việc nghiên cứu nội dung chương trình sẽ giúp cho giáo viên chủ động trong việc nghiên cứu, thiết kế bài giảng và lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp với học sinh.

**3. Thực trạng của vấn đề**

Năm học 2019- 2020, dưới sự phân công của Ban giám hiệu nhà trường, tôi được giao nhiệm vụ chủ nhiệm và giảng dạy lớp 3E. Qua quá trình giảng dạy và qua việc dự giờ, để học tập chuyên môn ở các đồng nghiệp, dựa trên kết quả khảo sát chất lượng phân môn Luyện từ và câu của các lớp trong khối. Tôi thấy dạy biện pháp tu từ nhân hóa là nội dung rất phong phú cho học sinh lớp 3. Tuy nhiên, trên thực tế học sinh còn rất lúng túng khi đặt câu có hình ảnh nhân hóa, áp dụng vào viết đoạn văn có hình ảnh nhân hóa hiệu quả chưa cao. Qua nhiều năm thực tế giảng dạy ở lớp 3, tôi nhận thấy việc dạy nhân hóa trong phân môn Luyện từ và câu có một số thuận lợi, khó khăn sau:

**3.1. Thuận lợi:**

- Giáo viên được trang bị đầy đủ sách giáo khoa, sách giáo viên, sách tham khảo thường xuyên nghiên cứu, nâng cao chất lượng giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh. Sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp giúp các em tiếp cận với phép tu từ nhân hóa một cách dễ dàng hơn.

 - Học sinh có đầy đủ sách giáo khoa và đồ dùng học tập, đa số các em chăm học, được bố mẹ qua tâm.

- Nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác chuyên môn có hiệu quả, phương tiện dạy học hiện đại như ti vi để giáo viên đổi mới phương pháp trao đổi chuyên môn nghiệp vụ.

**3.2. Khó khăn.**

**3.2.1 Về phía giáo viên:**

- Qua dự giờ một số đồng nghiệp và lắng nghe ý kiến của một số GV đã dạy lâu năm của một số trường, tôi thấy đa số GV dạy lớp 3 chưa hiểu sâu, nắm chắc, khai thác triệt để về phương tiện tu từ và biện pháp tu từ nói chung và biện pháp tu từ nhân hoá nói riêng.

- Nhiều giáo viên không nghiên cứu thêm về các phương tiện và biện pháp tu từ, thường thì GV lấy ngay những ý gợi mở ở sách giáo viên, sách thiết kế mà không tìm hiểu bản chất. Chính vì vậy mà dạy nội dung này chưa hiệu quả. Đặc biệt những bài tập đòi hỏi HS phải cảm nhận cái hay cái đẹp của hình ảnh nhân hoá, thì GV cũng không biết gợi mở thế nào cho học sinh.

Ví dụ:Ở bài tập 1, tiết Luyện từ và câu, Tuần 25 với nội dung:

Đoạn thơ dưới đây tả những sự vật và con vật nào? Cách gọi và tả chúng có gì hay

Những chị lúa phất phơ bím tóc

Những cậu tre bá vai nhau thì thầm đứng học

Đàn cò áo trắng

Khiêng nắng

Qua sông

Cô gió chăn mây trên đồng

Bác mặt trời đạp xe qua núi.

*Trần Đăng Khoa*

Ở câu hỏi ý thứ hai, GV không biết gợi mở để HS nói được cách gọi và tả các sự vật đó có gì hay. Có GV thì nói theo sách thiết kế, có GV thì nói chung chung là làm cho các sự vật đó sống động, gần gũi hơn còn sống động như thế nào, gần gũi ra sao thì GV lại không thể gợi ý để học sinh diễn đạt được.

**3.2.1. Về phía học sinh**

- HS chưa hiểu sâu, nắm chắc, biện pháp tu từ nhân hoá.

- Khả năng cảm nhận đặc biệt là khả năng diễn đạt những vẻ đẹp của hình ảnh nhân hoá chưa tốt. Các em HS năng khiếu có thể hình dung được nhưng không thể nói được.

- Một số HS chưa linh hoạt trong việc ứng dụng biện pháp tu từ nhân hoá vào viết câu văn, đoạn văn, có sử dụng nhân hoá mà không hề có hình ảnh.

Ví dụ: Khi GV yêu cầu HS viết câu có hình ảnh nhân hoá, HS viết:

Anh chó nhà em sủa gâu gâu. (Gọi vật như người).

- HS mắc nhiều lỗi diễn đạt khi viết những câu văn có hình ảnh nhân hoá.

- HS ít sử dụng các biện pháp nhân hoá trong khi nói, viết, làm văn… như:

+ Có sử dụng biện pháp nhân hoá song sử dụng mang tính chiếu lệ.

+ Có nhân hoá song viết câu văn không lô gíc, không gãy gọn.

+ Có nhân hoá nhưng mượn lời không hợp lý.

Để nắm bắt thực trạng đầy đủ hơn và có căn cứ cho việc nghiên cứu. Tôi đã tiến hành khảo sát chất lượng giữa học kì 2 lớp 3C trước khi áp dụng một số biện pháp dạy nhân hóa và đã thu được kết quả như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng số học sinh | Kết quả | | | | | | | |
| Cảm thụ | % | Vận dụng | % | Nhận biết | % | Chưa nắm được | % |
| 35 | 2 | 6 | 8 | 23 | 17 | 48 | 8 | 23 |

Qua bảng thống kê chất lượng, tôi thấy kết quả rất thấp. Các em học

sinh đại trà chỉ dừng lại ở mức độ nhận biết, học sinh có năng lực mới biết vận dụng biện pháp tu từ nhân hoá vào viết câu văn, đoạn văn, nhưng số lượng cũng rất khiêm tốn. Đặc biệt đa số các em chưa cảm nhận được cái hay, cái đẹp của biện pháp tu từ đó mang lại.

Còn về phần giáo viên, qua những tiết dự giờ, tôi thấy bên cạnh những giáo viên có hiểu biết sâu, nắm chắc biện pháp tu từ này, dạy có sáng tạo thì vẫn có những giáo viên hiểu chưa thấu đáo, khi dạy lại dựa nhiều vào sách giáo viên và sách thiết kế nên kết quả thu được chưa cao.

Từ thực trạng trên, qua nghiên cứu, tìm hiểu, tôi đã mạnh dạn đưa ra một số biện pháp sau với mục đích nâng cao hiệu quả dạy và học biện pháp tu từ nhân hóa. Sau đây tôi xin trình bày cụ thể từng biện pháp.

**4. Các biện pháp thực hiện**.

**4.1. Nắm chắc kiến thức và cách dạy biện pháp tu từ nhân hoá:**

Muốn dạy tốt, trước tiên giáo viên cần nắm vững, hiểu sâu về biện pháp tu từ nhân hoá. Khi dạy bài nào thì giáo viên cần phải nắm vững mục tiêu cũng như kiến thức của bài đó. Dựa vào nội dung bài học để lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức dạy – học hợp lí. Trong mỗi tiết học, mỗi giáo viên cần phải biết mình dạy cái gì? dạy như thế nào? và dạy để làm gì?.

Ví dụ: Khi dạy tiết Luyện từ và câu Tuần 21 (bài tập 1 và bài tập 2) giáo viên cần phải biết mình sẽ dạy cho học sinh 3 cách nhân hoá (Cách 1: Gọi vật như người; Cách 2: Tả vật như người; Cách 3: Dùng cách nói thân mật giữa người với người để nói với vật); dạy bằng phương pháp hỏi - đáp, thảo luận nhóm,...; hình thức: thảo luận cả lớp; thảo luận nhóm....; và dạy để học sinh biết, hiểu và nắm chắc được 3 cách nhân hoá.

**4.2. Tạo cho học sinh tâm thế tự tin vào bài học bằng cách tóm tắt nội dung tiết học trước:**

Như chúng ta đã biết, đặc điểm nhận thức của học sinh Tiểu học là chóng nhớ mau quên, mà phép nhân hoá lại được dạy cách tuần trong những tiết luyện từ và câu. Trong những ngày đó, học sinh lại phải học tiếp thu bao nhiêu kiến thức, vậy ai dám chắc rằng học sinh của chúng ta còn nhớ những kiến thức mà ta đã dạy tuần trước đó. Chính vì vậy, việc tóm tắt nội dung đã dạy giờ trước là rất quan trọng, nó sẽ giúp học sinh nhớ lại, khắc sâu kiến thức đã học và vận dụng một cách tự tin vào bài học mới.

Để tóm tắt nội dung bài học trước, chúng ta có thể tiến hành ở phần kiểm tra bài cũ: yêu cầu học sinh làm lại bài tập hoặc bằng câu hỏi gợi ý.

Ví dụ: Ở Tuần 21 chúng ta đã giúp học sinh tìm ra ba cách nhân hoá, thì đến Tuần 23, chúng ta có thể yêu cầu học sinh làm miệng lại bài tập Tuần 21, hoặc yêu cầu học sinh nhắc lại 3 cách nhân hoá để vận dụng vào làm bài tập tìm các sự vật được nhân hoá, biết các sự vật đó được nhân hoá bằng cách nào một cách dễ dàng.

Khi học sinh đã nhớ được những kiến thức đã học thì các em sẽ tự tin và hứng thú học tập, từ đó hiểu sâu, nhớ lâu và vận dụng tốt.

**4.3. Tạo ấn tượng ngay từ phần giới thiệu bài:**

Bằng cách:

- Nêu mục đích, lợi ích khi học phép nhân hoá.

- Cho học sinh thấy cái hay, cái đẹp của những sự vật khi được nhân hoá.

Ví dụ: Ở tiết luyện từ và câu Tuần 19, chúng ta có thể giới thiệu bài bằng những cách sau:

- **Cách 1:** Ở học kì I, chúng ta đã được tìm hiểu về phép so sánh, trong học kì II này chúng ta sẽ tìm hiểu thêm về phép nhân hoá. Sau khi học hết học kì II lớp 3, các em sẽ nhận biết được phép nhân hoá trong những bài tập cụ thể, hiểu và vận dụng được phép nhân hoá vào dùng từ đặt câu, viết đoạn văn. Phép nhân hoá sẽ làm cho câu văn, đoạn văn, bài văn của em hay hơn, sinh động hơn đặc biệt là đối với những bài văn tả, kể về về thế giới tự nhiên.

- **Cách 2:** Giáo viên đưa ra ví dụ: Cô có hai câu sau:

Câu 1: Con Đom Đóm phát sáng vào ban đêm.

Câu 2: Anh Đom Đóm lên đèn đi gác vào ban đêm để lo giấc ngủ cho mọi người.

Em thấy câu nào hay hơn?

Kết quả: Học sinh đã chọn câu hai.

Từ đó giáo viên giới thiệu: Các em thấy không, con đom đóm đã được tác giả gọi bằng "anh" và biết lên đèn đi gác vào ban đêm canh cho mọi người ngủ ngon. Như vậy, qua cách viết của tác giả đom đóm giống như con người biết làm việc, biết lo lắng và thật đáng yêu. Ở đây, tác giả đã sử dụng những từ ngữ tả người để tả vật, đó là biện pháp tu từ gì chúng ta sẽ tìm hiểu nhé.

**4.4. Dạy nhân hoá trong thế đối lập:**

Khi dạy học sinh các biện pháp tu từ nói chung, dạy nhân hoá nói riêng giáo viên luôn đặt ra nhưng tình huống trong thế đối lập giữa câu có sử dụng biện pháp tu từ và không sử dụng biện pháp tu từ. Đối với biện pháp tu từ nhân hoá khi dạy các em cảm thụ giá trị của biện pháp tu từ này chúng ta nên cho các em tìm hiểu những sự vật được nhân hoá trong thế đối lập giữa sự vật được nhân hoá và sự vật không được nhân hoá. HS chỉ cần đối chiếu để tìm ra giá trị của biện pháp tu từ nhân hoá.

Ví dụ: Ở bài tập 1 - Tuần 25 có nội dung:

Đoạn thơ dưới đây tả những sự vật và con vật nào? Cách gọi và tả chúng có gì hay?

Những chị lúa phất phơ bím tóc

Những cậu tre bá vai nhau thì thầm đứng học

Đàn cò áo trắng

Khiêng nắng

Qua sông

Cô gió chăn mây trên đồng

Bác mặt trời đạp xe qua núi.

*Trần Đăng Khoa* (Tiếng Việt 3 - Tập 2, trang 61)

Ở đây nếu GV muốn HS của mình trả lời được câu hỏi thứ hai một cách đầy đủ, dễ dàng, chúng ta hãy đặt những sự vật được miêu tả trong đoạn thơ của Trần Đăng Khoa bên cạnh những sự vật không sử dụng những hình ảnh nhân hoá.

**Ví dụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Những chị lúa phất phơ bím tóc.  - Những cậu tre bá vai nhau thì thầm đứng học.  - Đàn cò áo trắng  Khiêng nắng  Qua sông.  - Cô gió chăn mây trên đồng.  - Bác mặt trời đạp xe qua núi. | - Những cây lúa lá đang bay nhè nhẹ.  - Những cây tre đứng sát nhau cọ vào nhau kêu ken két.  - Đàn cò bay qua sông.  - Gió thổi mây bay.  - Mặt trời sáng mọc đằng đông, chiều lặn đằng tây, ở hai phía ngọn núi. |

**4.5. Dạy phân hoá đối tượng:**

Lớp học nào cũng có rất nhiều đối tượng học sinh khác nhau. Do đó ở tất cả các môn nói chung và dạy biện pháp tu từ nhân hoá nói riêng chúng ta nên dạy phân hoá phù hợp với trình độ từng đối tượng.

Ví dụ: Đoạn thơ dưới đây tả những sự vật và con vật nào? Cách gọi và tả chúng có gì hay?

Những chị lúa phất phơ bím tóc

Những cậu tre bá vai nhau thì thầm đứng học

Đàn cò áo trắng

Khiêng nắng

Qua sông

Cô gió chăn mây trên đồng

Bác mặt trời đạp xe qua núi.

*Trần Đăng Khoa*

(Tiếng Việt 3, Tập 2, trang 61)

Chúng ta thấy với ý một, học sinh trả lời dễ dàng. Nhưng sang ý hai, để học sinh trả lời được câu hỏi thì không dễ dàng gì. Vậy để đảm bảo tất cả các em đều trả lời được, giáo viên cần phân nhóm theo trình độ. Đối với những học sinh giỏi thì các em phải tự tìm ra cái hay trong cách tả đó. Đối với học sinh khá chúng ta nên gợi ý cho các em bằng một số câu hỏi: So sánh cách tả với thực tế. Còn đối với học sinh trung bình chúng ta nên đưa ra nhiều câu hỏi gợi ý hơn: Tác giả đã gọi và tả cây lúa như thế nào? Cách tả đó có gì hay hơn so với thực tế? Những cậu tre bá vai nhau thì thầm đứng học có nghĩa là

như thế nào?.... Nhưng đối với học sinh yếu thì chúng ta nên biến đổi thành bài tập trắc nghiệm để các em lựa chọn phương án đúng:

Tác giả đã dựa vào những hình ảnh nào trên thực tế để viết được nên hình ảnh "Những chị lúa phất phơ bím tóc":

A. Lá lúa dài, óng mượt và xanh.

B. Lá lúa dài, xanh non mượt mà bay phất phơ trong gió.

C. Vì mái tóc của các cô gái giống như lá lúa.

Tương tự như vậy với các sự vật còn lại. Và cuối cùng mới đưa ra cho học sinh câu hỏi: Cách nhân hoá các sự vật, con vật như vậy có gì hay?

Với cách làm như vậy tôi thấy tất cả mọi đối tượng học sinh đều nắm được, biết vận dụng và hơn nữa cảm nhận được cái hay, cái đẹp ẩn trong mỗi cách dùng từ, đặt câu có dùng biện pháp tu từ nhân hoá.

**4.6. Dạy "Nhân hoá" qua trò chơi học tập:**

Như chúng ta đã biết, ở giai đoạn 1 (từ lớp 1 đến lớp 3) các em rất thích chơi những trò chơi lí thú. Qua trò chơi học sinh nắm được các kiến thức một cách tự nhiên và nhẹ nhàng hơn. Ở đây tôi xin đưa ra 2 trò chơi đơn giản, thích hợp với dạy nhân hoá:

**- Trò chơi "Ai tài nhân hoá?"**

\* Mục đích:

- Luyện phát hiện nhanh biện pháp nhân hoá và tạo nhanh cụm từ nhân hoá.

- Luyện khả năng tưởng tượng, liên tưởng, phản ứng nhanh.

\* Chuẩn bị:

Giáo viên chuẩn bị một số từ ngữ gọi tên các đối tượng có thể nhân hoá và một số cách nhân hoá đối tượng này.

\* Cách tiến hành:

**+ Cách 1:** Nhóm người chơi không hạn chế số lượng, đứng tại chỗ hoặc đứng vòng tròn ngoài sân chơi.

Giáo viên (hoặc học sinh khá giỏi) làm quản trò hô lên một từ ngữ chỉ đối tượng cần được nhân hoá và chỉ định người đáp. Tùy nội dung học của từng giờ mà hạn định cách thức nhân hoá (một trong ba cách) hoặc không hạn định.

Học sinh được chỉ định (người đáp) phải nêu được một cụm từ hoặc một câu có cách nhân hoá đúng. Nếu không nêu được, hoặc nêu sai, người nêu sẽ bị phạt bằng nhiều hình thức vui nhẹ nhàng như nhảy lò cò, hát múa một bài ngắn....

Tiếp tục chơi người chủ trò lại hô lại từ ngữ đó hoặc hô tiếp từ ngữ khác và chỉ định người đáp khác, cứ thế trò chơi sẽ được tiếp tục.

**+ Cách 2:**

Giáo viên làm trọng tài và hai nhóm học sinh tham gia chơi.

Từng người trong hai nhóm luân phiên "hô" và "đáp". Ai hô sai (những đối tượng không thể nhân hoá được, người hô không thể làm đáp án) hoặc đáp sai đều bị phạt.

***Chú ý:***Đối tượng chọn để "hô" có thể là ở trong bài hoặc ngoài bài tập nhưng phải gần gũi đối với học sinh lớp 3.

- Thời gian chơi không quá dài, đảm bảo tất cả học sinh đều được tham gia, kể cả học sinh chậm

Ví dụ: Bài tập 1, Tuần 19: Anh Đóm Đóm - chuyên cần; đi gác suốt đêm; lo cho người ngủ; chập chờn không ngủ....

Bài tập 1, Tuần 21: Mây: chị mây nhởn nhơ rong chơi; mây từ đâu ùn ùn kéo đến. Sao: sao chong mắt hoài không ngủ; sao ham chơi quên đường về. Trăng: toả sáng; ấm áp; dịu dàng.

Bài tập 1, Tuần 25: Những chị lúa nép mình vào nhau e thẹn; những cậu tre giơ tay níu giữ; những cô cò tảo tần lặn lội ven đồng; gió gào thét, vốc từng nắm cát giận giữ ném vào người đi đường; những nàng gió nhởn nhơ rong chơi.

Bài tập 1, Tuần 33: Mầm cây mở mắt; mầm cây ưỡn ngực chào đón mặt trời; hạt mưa hối hả; cây đào giơ tay đón chào; hoa đào chúm chím cười.

Bài tập 2, Tuần 33: (Tả vườn cây) - Ví dụ: Những khi khát nước, nàng hoa buồn rũ rượi; hoa khẽ nghiêng mình, gật đầu tươi cười chào đón em; hoa khoe với em những chiếc áo đủ màu sắc: trắng muốt, hồng tươi, đỏ thắm; đêm đêm, hoa vẫn lặng lẽ chuyện trò với em bằng những hương thơm dịu ngọt của mình.....

**- Trò chơi "Ô chữ bí hiểm"**

\* Mục đích: Mở rộng thêm cho học sinh một số hình ảnh nhân hoá.

\* Chuẩn bị: Giáo viên chuẩn bị ô chữ, những câu thơ, câu văn... có hình ảnh nhân hoá.

\* Cách tiến hành: Giáo viên đưa ra một ô chữ gồm những từ hàng ngang và từ chìa khoá, đó là những từ ngữ được nhân hoá còn thiếu trong câu thơ, câu văn hoặc những hình ảnh nhân hoá phù hợp mà học sinh phải tự nghĩ ra.

**Ví dụ: Trò chơi "Ô chữ Trần Đăng Khoa"**

GV đưa ra ô chữ, yêu cầu học sinh tìm từ còn thiếu ở những câu thơ có hình ảnh nhân hoá trong thơ Trần Đăng Khoa

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Ông trời . . . đằng đông  Bà sân vấn chiếc khăn hồng đẹp thay.  *(Buổi sáng nhà em)*  2. Kẽo cà kẽo kẹt  Cây na thiu thiu  Mắt na hé mở  ......trời trong veo.  *(Tiếng võng kêu)*  3. .......nó bức quá  Phành phạch quạt liên hồi.  *(Nửa đêm tỉnh giấc)*  4. Đứng canh trời đất bao la  Mà dừa ... như là đứng chơi.  *(Cây dừa)* | 5. Trầu ơi, hãy tỉnh lại  Mở mắt xanh ra nào  Lá nào muốn cho tao  Thì mày .........ra nhé.  *(Đánh thức trầu)*  6. Bác giun ..... đất suốt ngày.  Trưa nay chết dưới bóng cây sau nhà.  *(Đám ma bác giun)*  7. Bác nồi đồng ..... bùng boong  Bà chổi loẹt quẹt lom khom trong nhà.  *(Buổi sáng nhà em)* |

**Đáp án:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 |  |  |  | **N** | Ổ | I | L | Ử | A |  |
| 2 |  |  | N | **H** | Ì | N |  |  |  |  |
| 3 |  |  | C | **Â** | Y | C | Â | U |  |  |
| 4 |  | Đ | Ủ | **N** | G | Đ | Ỉ | N | H |  |
| 5 |  |  | C | **H** | Ì | A |  |  |  |  |
| 6 |  | Đ | À | **O** |  |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  | H | **Á** | T |  |  |  |  |  |

**4.7. Dạy cảm thụ cái hay của phép nhân hoá thông qua việc đọc diễn cảm:**

Như chúng ta đã biết, trong SGK có rất nhiều bài yêu cầu học sinh đọc bài thơ và trả lời câu hỏi. Vậy việc đọc như thế nào cũng là một vấn đề cần đặt ra cho mỗi giáo viên khi dạy dạng bài tập này. Theo tôi, mỗi giáo viên cần chú trọng đọc diễn cảm những câu thơ, khổ thơ hoặc bài thơ này. Qua giọng đọc của giáo viên, học sinh đã phần nào cảm nhận được cái hay của bài thơ, khổ thơ, câu thơ.

Ví dụ: Khi đọc bài "Đồng hồ báo thức" giáo viên cần đọc nhấn giọng vào các từ thể hiện đặc điểm của từng kim đồng hồ, cũng như các từ được tác giả sử dụng để nhân hoá. Bài này đọc với giọng nhẹ nhàng, tình cảm, thể hiện được sự gần gũi của các kim đồng hồ như đối với con người.

Có thể xác định cách đọc như sau:

**Đồng hồ báo thức**

|  |  |
| --- | --- |
| Bác kim giờ / thận trọng/  Nhích/ từng li,/ từng li/  Anh kim phút/ lầm lì/  Đi từng bước, /từng bước. | Bé kim giây/ tinh nghịch/  Chạy vút / lên trước hàng/  Ba kim cùng tới đích/  Rung một hồi chuông vang.//  *Hoài Khánh* |

**4. 8. Dạy nhân hoá bằng cách gợi mở trí tò mò, óc sáng tạo của học sinh**

Biện pháp tu từ nhân hoá đã được nhà văn, nhà thơ viết cho thiếu nhi sử dụng. Chúng ta biết đến Tô Hoài với "Dế Mèn phiêu lưu kí", biết đến Trần Đăng Khoa với "Góc sân và khoảng trời"....Nếu các em tìm đến những tác phẩm đó chắc hẳn các em sẽ có một vốn nhân hoá vô cùng dồi dào và phong phú. Các em có thể vận dụng những hiểu biết đó vào dùng từ, đặt câu, viết văn đặc biệt là văn miêu tả thì thật là tuyệt vời. Tôi đã từng gặp ở đâu đó câu nói: Nếu học nhân hoá mà các em không biết đến Tô Hoài, Trần Đăng Khoa, Võ Quảng....thì tức là các em chưa biết đến nhân hoá. Vậy mỗi giáo viên chúng ta hãy là những người dẫn đường tài ba đưa các em đến với kho tàng nhân hoá đó. Giáo viên sẽ cho các em đọc các bài thơ, những mẩu chuyện của các tác giả đó, rồi có thể chuyển thành trò chơi như trên hoặc có thể hỏi và yêu cầu học sinh vận dụng trong những trường hợp cụ thể. Và khi các em tìm hiểu các hình ảnh nhân hoá, giáo viên nên lưu ý cho học sinh xem hình ảnh nhân hoá đó được sử dụng khi nào, bởi nhân hoá chỉ đúng trong những tiền giả định, những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể. Có thể ở câu đó, đoạn đó hoặc bài văn đó thì dùng được hình ảnh nhân hoá đó, còn ở nơi khác thì lại không thể dùng như vậy.

**4.9. Dạy nhân hoá mang tính triệt để:**

Như chúng ta đã biết, một trong những quan điểm biên soạn sách giáo khoa Tiểu học là quan điểm tích hợp. Nên khi dạy tất cả các môn, phân môn nói chung và dạy nhân hoá nói riêng chúng ta luôn luôn phải đặt nó trong mối quan hệ tổng thể. Dạy nhân hoá kết hợp trong các môn, phân môn học khác như: Tự nhiên và Xã hội, phân môn Tập đọc, Kể chuyện và đặc biệt chú trọng trong vận dụng của phân môn Tập làm văn.

Ví dụ: Khi dạy luyện đọc bài "*Ngày hội rừng xanh*" – Tiếng Việt 3, Tập 2, trang 62 chúng ta không thể để nó trôi qua với những câu hỏi tìm hiểu nội dung bài đọc đó với 3 câu hỏi trong sách giáo khoa mà chúng ta phải tận dụng nó để khai thác về biện pháp tu từ nhân hoá. Ví dụ như chúng ta tách nhỏ hoặc bổ sung thêm những câu hỏi phụ khác để tìm hiểu bài.

Câu hỏi trong sách giáo khoa:

1. Tìm những từ ngữ tả hoạt động của các con vật trong bài Ngày hội rừng xanh.

2. Các sự vật khác cùng tham gia vào ngày hội rừng xanh như thế nào?

3. Em thích hình ảnh nhân hoá nào nhất? Vì sao?

Câu hỏi dạy khai thác nội dung kết hợp dạy biện pháp tu từ nhân hoá:

1. Tìm những từ ngữ tả hoạt động của các con vật trong bài Ngày hội rừng xanh.

2. Các sự vật khác cùng tham gia vào ngày hội rừng xanh như thế nào?

3. Tác giả đã dùng biện pháp nào để miêu tả về các con vật, cây cối, sự vật trong ngày hội rừng xanh?

4. Tác giả đã nhân hoá các con vật, sự vật bằng cách nào?

5. Em thích hình ảnh nhân hoá nào nhất? Vì sao?

6. Bằng biện pháp tu từ đó, ngày hội của các con vật, sự vật trong thế giới tự nhiên diễn ra như thế nào?

**4.10. Dạy nhân hoá có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin:**

Trong thời đại công nghệ thông tin bùng nổ như hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học là điều tất yếu để tiến kịp thời đại. Thực tế dạy - học đã chứng minh hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học. Phần mềm PowerPoint đã giúp GV rất nhiều trong giảng dạy, có những điều mà chỉ PowerPoint mới làm được. Nó giúp chúng ta đưa những hình ảnh, những đoạn phim tư liệu vào bài giảng một cách dễ dàng và mang lại hiệu quả thiết thực. Ví như dạy nhân hoá GV có thể cho học sinh xem những hình ảnh thực của hình ảnh mà tác giả đã nhân hoá.

Ví dụ: Dạy bài tập 1, Tuần 23, chúng ta sẽ dạy kết hợp với một đoạn phim có quay cảnh những chị lúa đang thì con gái mượt mà, yểu điệu và phất phơ trong gió; những cây tre mọc thành luỹ, trong gió thân tre cọ vào nhau phát ra tiếng động rì rào như tiếng thì thầm của những cậu học trò đứng học....Xem xong từng đoạn phim học sinh sẽ trả lời được câu hỏi: Theo em, tác giả đã dựa vào những hình ảnh có thực nào để tạo nên những hình ảnh nhân hoá trên? Qua đó học sinh sẽ thấy cái hay, cái đẹp của những sự vật được nhân hoá.

**5. Kết quả đạt được và ý nghĩa của sáng kiến**

Sau một thời gian áp dụng các biện pháp nêu trên, chất lượng của học sinh lớp tôi đã tiến bộ rõ rệt. Học sinh yêu thích môn học và tích cực học tập hơn. Tất cả học sinh trong lớp đều đặt được câu có hình ảnh nhân hóa. Vốn hiểu biết và khả năng liên tưởng của các em ngày thêm phong phú. Nhiều em biết vận dụng biện pháp tu từ nhân hóa để viết đoạn văn. Có những em viết được đoạn văn dài, câu văn giàu hình ảnh, có cảm xúc. Đặc biệt với các biện pháp hướng dẫn trên, học sinh rất hứng thú, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, giúp cho tư duy ngôn ngữ của học sinh ngày càng phát triển. Học sinh có năng lực học tập tốt môn Tiếng Việt.

Để khẳng định hiệu quả của những biện pháp mình đưa ra, tôi tiến hành khảo sát chất lượng ở 2 lớp với đề bài cụ thể như sau:

**\* Đề bài khảo sát số 02:**

**Đề khảo sát (thời gian làm bài 20 phút), gồm 2 câu**

Câu 1: Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi :

**Lúa và gió**

Cua Con hỏi mẹ

Dưới ánh trăng đêm :

- Cô lúa đang hát

Sao bỗng lặng im ?

Đôi mắt lim dim

Mẹ Cua liền đáp :

- Chú gió đi xa

Lúa buồn không hát .

*Phạm Hổ*

a. Trong bài thơ trên những sự vật nào được nhân hoá ?

b. Tác giả đã nhân hoá bằng những cách nào ?

c. Em thích nhất hình ảnh nào? Vì sao?

Câu 2: Hãy viết một câu trong đó có sử dụng biện pháp nhân hoá để tả một con vật.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Số HS | Câu 1 | | | | | | Câu 2 | | | | | |
| Tìm đúng, đủ các sự vật được nhân hoá | | Nêu được rõ 2 cách nhân hoá | | Cảm thụ được vẻ đẹp của hình ảnh nhân hoá. | | Viết đúng yêu cầu | | Sử dụng biện pháp nhân hoá chưa hợp lí | | Chưa biết sử dụng | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 3D | 35 | 22 | 63 | 19 | 54 | 9 | 26 | 15 | 43 | 11 | 31 | 3 | 9 |
| 3E | 35 | 27 | 77 | 22 | 63 | 15 | 43 | 17 | 69 | 2 | 6 | 0 | 0 |

Từ kết quả thu được tôi thấy từ khi vận dụng một số biện pháp đã nêu

thì kết quả thật đáng mừng. Không những học sinh nắm được kiến thức bài học mà còn nhớ rất lâu những kiến thức của bài học đó. Số lượng các em học sinh tìm đúng, đủ các sự vật được nhân hoá, 2 cách nhân hoá, cảm thụ được vẻ đẹp của hình ảnh nhân hoá tăng, số lượng học sinh sử dụng biện pháp nhân hoá chưa hợp lí, giảm đi. Đối chiếu với lớp 3D thì số lượng học sinh sử dụng biện pháp nhân hoá chưa hợp lí còn cao. Từ một lớp HS chưa hiểu sâu, biện pháp tu từ nhân hoá, ít sử dụng các biện pháp nhân hoá trong khi nói, viết, làm văn chưa mạnh dạn trong học tập, qua thời gian tôi áp dụng một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học biện pháp tu từ nhân hóa cho học sinh. Học sinh lớp tôi nắm rất chắc về biện pháp tu từ này, biết nhận ra các sự vật được nhân hoá, các cách nhân hoá và đặc biệt từ học sinh chậm cũng đã cảm nhận được cái hay, cái đẹp của biện pháp tu từ này. Đa số các em biết vận dụng biện pháp tu từ này vào viết đoạn văn, biết sử dụng các từ ngữ để nhân hoá sự vật một cách hợp lí, chỉ còn một số em thuộc đối tượng học sinh chậm thì sử dụng chưa thật hợp lí, đặc biệt không còn học sinh nào không biết sử dụng biện pháp tu từ này. Đây chính là nền tảng vững chắc cho các em học lớp cao hơn. Từ kết quả trên tôi khẳng định con đường tìm tòi, nghiên cứu và áp dụng qua nghiên cứu là đúng, đem lại kết quả khả quan trong giảng dạy.

Đây là một trong những thành công của tôi khi áp dụng các biện pháp tu từ nhân hóa vào lớp mình. Sáng kiến cũng góp phần thúc đẩy phong trào đổi mới phương pháp dạy học đối với giáo viên toàn trường. Giúp giáo viên thấy được vai trò quan trọng của việc nâng cao chất lượng dạy và học biện pháp tu từ nhân hóa cho học sinh lớp 3 và các lớp khác. Mặt khác sáng kiến giúp cho Ban giám hiệu, tổ chuyên môn có thêm tài liệu để bồi dưỡng giáo viên.

**6. Điều kiện để sáng kiến được nhân rộng**

Để sáng kiến được nhân rộng, theo tôi cần có những điều kiện sau:

- Giáo viên cần nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm cao trong giảng

dạy, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, không ngừng tự học, tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức và năng lực nghề nghiệp, có vốn hiểu biết phong phú.

- Giáo viên cần tăng cường tổ chức dạy học các tiết Tiếng Việt tăng ở buổi 2 tạo điều mở rộng và nâng cao kiến thức.

- Đối với học sinh, các em cần được trang bị đầy đủ sách vở đồ dùng học tập cần thiết, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, ham hiểu biết, tìm tòi, khám phá, biết tích lũy kiến thức từ cuộc sống.

- Lớp học cần đảm bảo an toàn và được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất cần thiết nhất phục vụ cho việc dạy và học máy chiếu hoặc ti vi, máy tính, tranh ảnh, bảng phụ, bàn ghế, ...

**KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

1. **Kết luận**

Nâng cao hiệu quả dạy học biện pháp tu từ nhân hóa cho học sinh lớp 3 là một việc làm có ý nghĩa quan trọng, tạo cơ sở cho việc dạy phân môn Luyện từ và câu ở lớp 4;5. Sáng kiến đã đưa ra được một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học và học biện pháp nhân hóa. Sau một thời gian áp dụng các biện pháp của sáng kiến, học sinh lớp tôi nắm rất chắc về biện pháp tu từ này, biết nhận ra các sự vật được nhân hoá, các cách nhân hoá và đặc biệt từ học sinh trung bình cũng đã cảm nhận được cái hay, cái đẹp của biện pháp tu từ này. Đa số các em biết vận dụng biện pháp tu từ này vào viết đoạn văn, biết sử dụng các từ ngữ để nhân hoá sự vật một cách hợp lí, chỉ còn một số em thuộc đối tượng học sinh trung bình thì sử dụng chưa thật hợp lí, đặc biệt không còn học sinh nào không biết sử dụng biện pháp tu từ này. Với những kết quả đã đạt được, một lần nữa khẳng định những giải pháp được trình bày trong sáng kiến là có tính mới, sáng tạo và được áp dụng rộng rãi cho toàn thể học sinh lớp 3 trong các tiết Luyện từ và câu ở các tiết dạy chính khóa và các tiết Tiếng Việt tăng. Sáng kiến còn có tác dụng góp phần vào việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt. Một số biện pháp trong sáng kiến còn được sử dụng khi dạy Luyện từ và câu cho học sinh lớp 2;4;5. Bên cạnh đó, sáng kiến còn có tác dụng thúc đẩy việc đổi mới phương pháp dạy học, mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học Luyện từ và câu nói riêng và các môn học nói chung trong toàn trường.

1. **Khuyến nghị**

**2.1. Đối với cấp cơ sở**

- Đối với giáo viên:

+ Cần nắm chắc nội dung chương trình phân môn Luyện từ và câu ở lớp 3 và và các khối lớp khác.

+ Tích cực nghiên cứu trau dồi hiểu biết về các lĩnh vực của cuộc sống.

+ Không ngừng sáng tạo và đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng buổi 2.

+ Thực hiện tốt việc đánh giá thường xuyên theo Thông tư 22/2016, động viên, khích lệ học sinh kịp thời, khuyến khích sự sáng tạo của các em khi viết đặt câu, viết đoạn văn có hình ảnh nhân hóa.

+ Thường xuyên trao đổi, thảo luận trong tổ, nhóm chuyên môn những vấn đề còn vướng mắc.

- Đối với tổ chuyên môn và nhà trường:

+ Cần chỉ đạo sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn và sinh hoạt chuyên môn cấp trường có chất lượng.

+ Tích cực tổ chức các chuyên đề về dạy Luyện từ và câu.

+ Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh, tạo điều kiện để các em có thêm hiểu biết từ thực tiễn.

+ Có biện pháp chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy học ở buổi 2. Tích cực kiểm tra, dự giờ giáo viên hơn nữa.

**2.2. Đối với các cấp quản lí**

- Tổ chức các buổi hội thảo về việc dạy phân môn Luyện từ và câu.

- Phổ biến những sáng kiến về dạy Luyện từ và câu, đặc biệt là dạy biện pháp tu từ nhân hóa để giúp giáo viên trong toàn huyện có thể học tập và vận dụng vào thực tế lớp mình. Ngoài ra cần giới thiệu và cung cấp một số tài liệu bồi dưỡng việc dạy và học môn Tiếng Việt cho các nhà trường.

- Chỉ đạo các nhà trường tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tạo cơ hội cho học sinh được trải ngiệm thực tế.

Trên đây là sáng kiến của cá nhân, kết quả được đánh giá trong phạm vi nhà trường và một số trường bạn trong huyện, do vậy chắc hẳn sẽ còn những hạn chế nhất định. Tôi kính mong nhận được sự góp ý, giúp đỡ của hội đồng khoa học cấp trên, các đồng nghiệp để sáng kiến của tôi được áp dụng rộng rãi và đạt hiệu quả cao hơn.

***Trân trọng cảm ơn!***

**Phụ lục**

**Giáo án minh họa tiết dạy – Tuần 33**

**Luyện từ và câu**

**Tiết 33 : Nhân hóa**

**I. Mục tiêu**

- Giúp học sinh ôn luyện về nhân hoá: Nhận biết hiện tượng nhân hoá trong các đoạn thơ, đoạn văn; những cách nhân hoá mà tác giả sử dụng. Viết được một đoạn văn ngắn có sử dụng phép nhân hoá.

- Bước đầu nói được cảm nhận về những hình ảnh nhân hoá đẹp. Rèn kỹ năng sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá trong các câu văn, đoạn văn.

- HS có ý thức sử dụng biện pháp nhân hoá khi viết văn.

**II. Đồ dùng dạy học**

- GV : Ti vi, máy tính (BT1, BT2).

**III. Các hoạt động dạy - học**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Kiểm tra bài cũ**  - Đặt một câu văn có câu có bộ phận trả lời câu hỏi Bằng gì?  - GV nhận xét, đánh giá.  **2. Bài mới**  **2.1. Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu tiết học.  **2.2. Hướng dẫn làm bài tập**  **Bài 1:** GV gọi HS đọc yêu cầu của bài tập trên màn hình ti vi.  - Yêu cầu học sinh trao đổi theo nhóm đôi để tìm các sự vật được nhân hoá và cách nhân hoá trong phần a, b.  - Gọi HS trình bày kết quả thảo luận  - Trong khổ thơ, những sự vật nào được nhân hoá?  - Tác giả đã làm thế nào để nhân hoá sự vật đó?  - GV nhận xét, chốt cách nhân hoá.  - Giáo viên nhận xét và chốt lại lời giải đúng. Yêu cầu hs nhắc lại các cách nhân hóa  - Em thích hình ảnh nào ? Vì sao?  - Nhận xét, tuyên dương.  - Qua cách nhân hoá của tác giả, các sự vật hiện lên như thế nào?  \* Củng cố về tác dụng của nhân hóa và cách đặt câu.  Bài 2: Gv chiếu ti vi gọi hs đọc bài 2  - Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề bài  - Bài yêu cầu chúng ta viết đoạn văn để làm gì ?  - Trong đoạn văn, ta phải chú ý điều gì ?  - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở bài tập  - Gọi HS đọc bài.  - GV nhận xét, chữa lỗi viết câu, diễn đạt cho HS.  - Tuyên dương HS viết tốt.  - Đọc cho HS tham khảo một số đoạn văn hay.  Qua bài tập 2 ta thấy được cảnh vật thiên nhiên rất gần gũi với chúng ta. Chúng ta càng gắn bó với thiên nhiên, chúng ta phải có ý thức bảo vệ môi trường.  \* Củng cố sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá trong các câu văn, đoạn văn.  **3. Củng cố, dặn dò**  - Yêu cầu hs nhắc lại các cách nhân hóa  - Nhận xét giờ học.  - Dặn HS về nhà ôn bài, tích cực viết câu có sử dụng nhân hóa, chuẩn bị bài sau: Từ ngữ về thiên nhiên. Dấu chấm, dấu phẩy | - HS thực hiện  - Lớp nhận xét, chữa.  - HS đọc yêu cầu của bài.  - Học sinh thảo luận nhóm đôi.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Mầm cây, hạt mưa, cây đào, cơn dông, lá gạo, cây gạo  - Bằng các từ ngữ chỉ người, chỉ bộ phận của người. (*mắt, anh em*); bằng các từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm của con người (*tỉnh giấc, mải miết, trốn tìm, lim dim, cười, kéo đến, múa, reo, chào, thảo, hiền, đứng, hát*)  - HS nhắc lại  - Học sinh nêu cảm nghĩ của mình.  - Qua cách nhân hoá đó các sự vật trở nên thật đẹp, thật hay vì nó làm cho các sự vật sinh động hơn, gần gũi với con người hơn và đáng yêu hơn.  - HS đọc bài 2.  - Học sinh tìm và nêu  - Để tả buổi sớm hoặc tả một vườn cây.  - Phải sử dụng phép nhân hóa.  - HS làm bài vào vở bài tập  - HS đọc bài viết, lớp nhận xét  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS theo dõi  - HS nhắc lại các cách nhân hóa  - Theo dõi |

**---------------------------------------------------------------------------------------------**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Sách Tiếng Việt 3 - Tập 2

2. Sách giáo viên Tiếng việt 3 - Tập 2

3. Yêu cầu cơ bản về kiến thức và kĩ năng lớp 3 (Bộ Giáo dục & Đào tạo)

4. Giải đáp 88 câu hỏi về Giảng dạy Tiếng Việt ở Tiểu học (Tác giả: Lê Hữu Tỉnh, Trần Mạnh Hưởng )

5. Hỏi - Đáp về dạy học Tiếng Việt 3 (Sở Giáo dục Hải Dương)

6. Một số lưu ý khi dạy Tiếng Việt ở Tiểu học (Sở Giáo dục Hải Dương)

7. Giáo trình phương pháp dạy học tiếng Việt ở Tiểu học (Tập 1)

(Tác giả: Lê Phương Nga, Đỗ Xuân Thảo, Lê Hữu Tỉnh)

8. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (Tác giả: Lê Phương Nga, Nguyễn Trí)

9. Mấy vấn đề lý luận và phương pháp dạy học từ ngữ Tiếng Việt trong nhà trường (Tác giả: Nguyễn Đức Tồn)

10. Một số sáng kiến kinh nghiệm của đồng nghiệp có liên quan.